

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đất làm vật san lấp tại
núi Hóc Giăng, xã Cát Tường, huyện Phù Cát của Công ty
TNHH ĐTXD & TMDV Yên Tùng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng
cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản
trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản,
trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt
động khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 24/GP-UBND ngày 06/5/2020
và Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 93/GP-UBND ngày 01/12/2020
của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH ĐTXD & TMDV Yên Tùng được khai thác
khoáng sản đất làm vật san lấp tại núi Hóc Giăng, xã Cát Tường, huyện Phù Cát;*

*Theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của
Công ty TNHH ĐTXD & TMDV Yên Tùng ngày 19/8/2022 và đề nghị của Giám
đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 912/TTr-STNMT ngày 03 tháng
11 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại
núi Hóc Giăng, xã Cát Tường, huyện Phù Cát theo Giấy phép khai thác khoáng sản
số 24/GP-UBND ngày 06/5/2020 và Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số
93/GP-UBND ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh đã cấp cho Công ty TNHH ĐTXD
& TMDV Yên Tùng, với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ: Để thanh lý tài nguyên thuộc phần diện tích đã khai thác hết trữ lượng và giao đất cho UBND huyện Phù Cát quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; phục hồi môi trường các khu vực đã khai thác.

2. Diện tích đóng cửa mỏ là 1,15ha, được giới hạn bởi các điểm góc theo Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng thực hiện: theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ của UBND tỉnh thẩm định và thông qua.

4. Thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ: đến hết ngày 01/12/2022.

5. Kinh phí thực hiện đóng cửa mỏ: từ nguồn vốn của Công ty TNHH ĐTXD & TMDV Yên Tùng.

6. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ: Công ty TNHH ĐTXD & TMDV Yên Tùng.

Điều 2. Công ty TNHH ĐTXD & TMDV Yên Tùng có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ khối lượng và đúng tiến độ theo đề án đóng cửa mỏ đã phê duyệt.

2. Bảo đảm tuyệt đối an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ theo quy định.

3. Báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định khi hoàn thành đề án để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ.

4. Đề nghị đóng cửa mỏ khu vực khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Chủ tịch UBND xã Cát Tường, Giám đốc Công ty TNHH ĐTXD & TMDV Yên Tùng và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Tổng cục ĐC và KS VN;
- Cục KSHĐKS miền Trung;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 1

TOẠ ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN ĐẤT LÀM
VẬT SẢN LẬP TẠI NÚI HÓC GIẢNG, XÃ CÁT TƯỜNG, HUYỆN PHÙ CÁT
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 (KKT 108°15', múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)
1	1.546.904	593.694
2	1.546.885	593.710
3	1.546.829	593.798
4	1.546.812	593.841
5	1.546.725	593.796
6	1.546.803	593.708
Diện tích 1,15ha		